



gū niang

姑娘

Noun · girl

Example Sentences

Nà ge gū niang zhèng zài gōng yuán lǐ kàn shū.
那个姑娘 正在公 园里看书。

That girl is reading a book in the park.

zhè ge gū niang hěn piào liàng.
这个姑娘 很漂 亮。

This girl is very beautiful.

nà wèi gū niang zhèng zài gōng yuán lǐ sǎn bù.
那位姑娘 正在公 园里散步。

That girl is taking a walk in the park.

Trace each character, then write the word on your own.

姑	姑	姑	姑	姑	姑	姑	姑	姑	姑	姑
娘	娘	娘	娘	娘	娘	娘	娘	娘	娘	娘
娘	娘									